

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Trung ương đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm sản phẩm dinh dưỡng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Trung ương
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Khoa Dược - Bệnh viện Nhi Trung ương
- Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành- Láng Thượng- Đống Đa-Hà Nội
- Điện thoại: 024.6273.8985

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư Bệnh viện – Tầng 3 nhà 15 tầng Bệnh viện Nhi Trung ương;

- Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành - Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20/03/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 31/03/2025;

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên có thể không được xem xét)

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 31/3/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục Sản phẩm dinh dưỡng mời chào giá chi tiết tại **Phụ lục 01** đính kèm yêu cầu báo giá này.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành - Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao nhận hàng hóa: Giao hàng theo từng đợt, trong vòng 05-10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện, trừ trường hợp đặc biệt theo sự thỏa thuận của hai bên.

4. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Báo giá theo mẫu Báo giá tại **Phụ lục 02** đính kèm;
- Tài liệu chứng minh về tiêu chí kỹ thuật và các tài liệu liên quan đến việc lưu hành hợp pháp của hàng hóa;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh (nếu có)
- Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng gần đây của hàng hóa (nếu có).
- Giấy giới thiệu + căn cước công dân của người nộp báo giá;

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực màu xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn của người có thẩm quyền để ký báo giá.

Trân trọng! ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Dược (01).

K/T GIÁM ĐỐC ✓

PHÓ GIÁM ĐỐC



Cao Việt Tùng

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu Báo giá ngày 20/03/2025 của Bệnh viện Nhi Trung ương)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Sản phẩm dinh dưỡng có chứa đạm bò A2 cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: - Có chứa đạm bò A2 (protein beta-casein A2) - Không chứa đường sucrose - Áp suất thẩm thấu: ≤ 300 mOsm/kg nước.	Hộp/lon tối đa 500g	gram	100.800
2	Sản phẩm dinh dưỡng có đạm bò A2 cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: - Có chứa đạm bò A2 (protein beta-casein A2) - Không chứa đường sucrose	Hộp/lon tối đa 500g	gram	100.800
3	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng dễ hấp thu hỗ trợ tăng đề kháng cho trẻ trên 1 tuổi	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: + có chứa đạm whey thủy phân + Có chứa sữa non 24h và HMOs + Có bổ sung MCT	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	4.698.000
4	Sản phẩm dinh dưỡng không chứa lactose cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Lactose tối đa 0,01g/100ml pha chuẩn + Áp suất thẩm thấu tối đa 300 mOsm/kg nước + Không chứa đường sucrose	Hộp/lon tối đa 500g	gram	1.648.920
5	Sản phẩm dinh dưỡng giúp hỗ trợ tiêu hóa có bổ sung Lysin cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Tỷ lệ đạm whey $\geq 50\%$; + Có bổ sung Probiotics + có chứa MCT, Lysin	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	786.240

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
6	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Thành phần cô đặc whey + Có HMOs, alpha - lútalbumin tối thiểu 0,22g/100ml pha chuẩn + Không chứa đường sucrose	Hộp/lon tối đa 500g	gram	4.823.645
7	Sản phẩm dinh dưỡng tăng cường miễn dịch và hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ	Tính trên 100g sản phẩm chứa: - Sữa non 24h : 26g-40g - Lactoferrin: 0,08g đến 0,12g - Chất xơ hòa tan: 4,3g-6,5g - Có chứa Probiotic	Hộp/túi/gói chứa tối đa 20g	gram	108.000
8	Sản phẩm dinh dưỡng có chứa lactoferrin cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + Có chứa lactoferrin + Không chứa đường sucrose	Hộp/lon tối đa 500g	gram	92.160
9	Sản phẩm dinh dưỡng có chứa lactoferrin cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + Có chứa lactoferrin + Không chứa đường sucrose	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	230.400
10	Sản phẩm dinh dưỡng bổ sung năng lượng từ bột Maltodextrin và vi chất dinh dưỡng cho trẻ	Tính trên 100g sản phẩm - Maltodextrin ≥ 50g - Có bổ sung vi chất dinh dưỡng	Hộp/túi/gói chứa tối đa 20g	gram	96.000
11	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng có bổ sung K2-MK7 hỗ trợ tăng trưởng chiều cao cho trẻ	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: + Có bổ sung D3, K2-MK7	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	457.002

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
12	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng có chứa đạm thủy phân cho trẻ	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: có chứa đạm thủy phân	Hộp/túi/gói tối đa 250 ml	ml	20.500.490
13	Sản phẩm dinh dưỡng giàu đạm cho trẻ	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: tối thiểu 150 Kcal; - Chất đạm (Protein): tối thiểu 7,5g	Hộp/túi/gói tối đa 250 ml	ml	20.500.490
14	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng giúp hỗ trợ tiêu hóa có bổ sung Lysin cho trẻ	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: + Tỷ lệ đạm whey $\geq$ 50%; + Có bổ sung Probiotics + Có chứa MCT, Lysin	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	14.176.890
15	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: + Sucrose không quá 20% tổng lượng đường + Tỷ lệ đạm whey $\geq$ 50%;	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	35.370.000
16	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: + Sucrose không quá 20% tổng lượng đường + Tỷ lệ đạm whey $\geq$ 50%;	Hộp/lon tối đa 500g	gram	46.856

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
17	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng không chứa lactose cho trẻ	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: + Lactose tối đa 0.01g/100ml pha chuẩn	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	535.626
18	Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ sinh mổ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Không chứa đường sucrose + Tỷ lệ chất xơ GOS/FOS = 9/1 và B. breve M-16V (synbiotic)	Hộp/lon tối đa 500g	gram	76.760
19	Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ sinh mổ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Không chứa đường sucrose + Tỷ lệ chất xơ GOS/FOS = 9/1 và B. breve M-16V (synbiotic)	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	72.000
20	Sản phẩm dinh dưỡng có chứa đạm đậu nành cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + Có 100% đạm đậu nành tính chẻ + Lactose tối đa 0.01g/100ml pha chuẩn - Áp suất thẩm thấu tối đa 300 mOsm/kg nước	Hộp/lon tối đa 500g	gram	76.440
21	Sản phẩm dinh dưỡng có chứa đạm đậu nành dành cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Có 100% đạm đậu nành tính chẻ + Lactose tối đa 0.01g/100ml pha chuẩn - Áp suất thẩm thấu tối đa 300 mOsm/kg nước	Hộp/lon tối đa 500g	gram	222.768

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
22	Sản phẩm dinh dưỡng có chứa đạm thủy phân hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + có chứa đạm whey thủy phân một phần; + Lactose $\leq 0,2g/100ml$ pha chuẩn - Áp suất thẩm thấu: $\leq 300 mOsm/kg$ nước.	Hộp/lon tối đa 500g	gram	639.475
23	Sản phẩm dinh dưỡng có năng lượng từ đạm whey và bổ sung cystein cho trẻ	Tính trên 100g sản phẩm - Đạm whey $\geq 50g$ - Có bổ sung cystein	Hộp/túi/gói chứa tối đa 20g	gram	3.600
24	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ chiều cao cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Có bổ sung vitamin D3-K2, MK7	Hộp/lon tối đa 500g	gram	57.600
25	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ điều trị táo bón cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + Có bổ sung Probiotics; + Tỷ lệ chất xơ GOS:FOS = 9:1	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	244.800
26	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ điều trị táo bón cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + Có bổ sung Probiotics; + Tỷ lệ chất xơ GOS:FOS = 9:1	Hộp/lon tối đa 500g	gram	100.800

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
27	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ sinh non, nhẹ cân	- Tính trên 100ml pha chuẩn - Năng lượng: 67-94 Kcal; - Chất đạm (Protein): 1,67-3,38g; - Chất béo (Lipid): 2,9-5,3g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 6,4-11,7g; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Chất béo MCT (Medium chain triglycerides) tối thiểu 6% và tối đa 40% tổng chất béo + Tỷ lệ ARA (acid arachidonic) : DHA (acid docosahexaenoic) tối thiểu 0.5 và tối đa 2 + Không chứa đường sucrose + Có công bố thành phần acid amin	Hộp/lon tối đa 500g	gram	115.200
28	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + Có bổ sung HMOs, có đạm whey và casein + Không chứa đường sucrose	Hộp/lon trên 500g đến 1000g	gram	4.823.645
29	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ tiêu hóa cho trẻ trên 1 tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 85 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 355 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 3g/100 Kcal - 5,5g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 3g/100Kcal - 6g/100Kcal - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại QCVN 11-3:2012/BYT kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thành phần khác: + Có bổ sung HMOs, có đạm whey và casein + Không chứa đường sucrose	Hộp/lon tối đa 500g	gram	4.823.645
30	Sản phẩm dinh dưỡng không sucrose cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Không chứa đường sucrose - Có thông tin về áp lực thẩm thấu	Hộp/lon tối đa 500g	gram	54.720
31	Sản phẩm dinh dưỡng có đạm thủy phân một phần cho trẻ có vấn đề về tiêu hóa cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Có tối thiểu 50% đạm whey và casein thủy phân một phần + Không chứa đường sucrose - Áp suất thẩm thấu tối đa 300 mOsm/kg nước	Hộp/lon tối đa 500g	gram	151.200

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
32	Sản phẩm dinh dưỡng có đạm thủy phân hoàn toàn cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Có 100% đạm casein thủy phân hoàn toàn; + Không chứa đường sucrose, lactose; - Áp suất thẩm thấu tối đa 450 mOsm/kg nước	Hộp/lon tối đa 500g	gram	115.200
33	Sản phẩm dinh dưỡng có đạm whey thủy phân cho trẻ trên 1 tuổi	* Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 - 200 Kcal; - Chất đạm (Protein): 3g - 8g; - Chất béo (Lipid): 2g - 9g; - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g - 20g; - Có bổ sung Vitamin và khoáng chất; - Thành phần khác: + 100% đạm whey thủy phân một phần thành Peptid; + MCT (Medium chain triglycerides) tối thiểu 40% tổng chất béo; + Áp suất thẩm thấu tối đa 450 mOsm/kg nước;	Hộp/lon tối đa 500g	gram	815.656
34	Sản phẩm dinh dưỡng có đạm thủy phân một phần cho trẻ có nguy cơ dị ứng từ 0-12 tháng tuổi	- Năng lượng: 60 Kcal/100ml - 70 Kcal/100ml (hoặc 250 KJ/100ml - 295 KJ/100ml) - Chất đạm (Protein): 1,8g/100 Kcal - 3g/100 Kcal - Chất béo (Lipid): 4,4g/100Kcal - 6g/100Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 9g/100Kcal - 14g/100Kcal; - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 - Thành phần khác: + Có HMOs(Human Milk Oligosacharide) và một trong các Probiotic: Bifidobacterium lactis (Bb-12), lactis HNO19, L. fermentum CECT5716/LGG hoặc symbiotis (Lactobacillus fermentum CECT 5716 và GOSs; B.breve M16V và GOSs/FOSS; Lactobacillus rhamnosus LCS - 742, Bifidobacterium longum sp. infantis M63, và GOSs/FOSS) + 100% đạm whey thủy phân một phần + Không chứa đường sucrose;	Hộp/lon tối đa 500g	gram	172.800
35	Sản phẩm dinh dưỡng cung cấp năng lượng từ đạm sữa phân lập	Tính trên 100ml sản phẩm có chứa thành phần đạm sữa phân lập	Túi/gói tối đa 40 ml	ml	21.600

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Cao Việt Tùng

Phụ lục 2. Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu Báo giá ngày 20/03/2025 của Bệnh viện Nhi Trung ương)

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

Mã số thuế:

Số công văn

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương, chúng tôi[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ họ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho danh mục hàng hóa như sau:

1. Báo giá hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	STT trong yêu cầu báo giá	Tên hàng hóa mời chào giá	Tên thương mại	Tiêu chí kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã bao gồm VAT (đồng)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) (đồng)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

2. Báo giá có hiệu lực ít nhất: 90 ngày kể từ ngày 31/3/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các tài sản, hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

Hà Nội, ngày tháng.... năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

21